TÒA ÁN ND QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/KDTM-ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2019
"V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hiền Hòa**
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Ngọc Hấn
- Ông Đỗ Xuân Sảng
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 65/2013/TLST-KDTM ngày 05 tháng 11 năm 2013 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K (T)***
Trụ sở: Số 191 phố B, quận T, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A - Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Minh P - Cán bộ xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 296 ngày 05/4/2019) - (Có mặt).

**** Bị đơn: Công ty TNHH dầu khí T***
Trụ sở: P604 Tòa nhà S số 1 Đ, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Việt H - Giám đốc
Hộ khẩu thường trú: (số cũ) xóm 3, xã B; (số mới) số 2 ngõ 4 thôn B, xã B, huyện G, Thành phố Hà Nội - (Vắng mặt)

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***
1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964
2. Bà Nguyễn Thị Kim H; sinh năm 1964
Cùng trú tại: Thôn C, xã Y, huyện G, Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2012 và những bản tự khai, đơn trình bày tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Công ty TNHH dầu khí T (Công ty T) đã vi phạm các cam kết trong Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 130411/HĐHMTD/TCB-TKC ngày 13/4/2011 ký với Ngân hàng TMCP K (T). Cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 130411/HĐHMTD/TCB-TKC ngày 13/4/2011: Số tiền cho vay theo hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng *(mười tỷ đồng)*. T đã giải ngân cho Công ty T tổng số tiền là **9.999.826.000 đồng** *(chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng)*, theo các Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ ký ngày 22/02/2011 là 1.608.826.000 đồng; ngày 15/4/2011 là 500.000.000 đồng; ngày 28/4/2011 là 697.000.000 đồng; ngày 23/5/2011 là 7.194.000.000 đồng.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ô tô và sản phẩm gốm sứ.

- Thời hạn vay là: 12 tháng, kể từ ngày 13/4/2011 đến ngày 13/4/2012.

- Thời hạn tối đa của các khoản vay trong hạn mức tín dụng của mỗi khoản vay trong hạn mức tín dụng mà Bên A cho bên B vay không vượt quá 03 tháng đối với kinh doanh ô tô và 06 tháng đối với sản xuất kinh doanh gốm sứ được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ.

- Phương thức giải ngân: Theo Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ.

- Lãi suất: Lãi suất cho vay được áp dụng theo từng lần giải ngân.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

- Từ thời điểm ký Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 130411/HĐHMTD/TCB-TKC ngày 13/4/2011 đến nay số tiền cho vay và thu nợ cụ thể như sau:

+ Số tiền cho vay: 9.999.826.000 đồng (theo 04 Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ).

+ Số tiền thu nợ gốc đã trả: Tính đến ngày 16/11/2018 Công ty T đã thanh toán được cho T số tiền *356.704.720 đồng* (ba trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm linh bốn nghìn, bảy trăn hai mươi đồng).

+ Số tiền lãi đã trả: Tính đến ngày 16/11/2018 Công ty T đã thanh toán được cho T số tiền *444.091.597 đồng* (bốn trăm bốn bốn triệu, không trăm chín mốt nghìn, năm trăm chín bảy đồng).

- Tính đến hết ngày 19/10/2019, tổng dư nợ của Công ty T tại T là: 27.015.726.067 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 4.795.838.845 đồng (bốn tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm ba tám nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng).

+ Nợ lãi: 22.219.887.222 đồng (hai mươi hai tỷ, hai trăm mười chín triệu, tám trăm tám bảy nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng) có phiếu tính lãi kèm theo.

Chi tiết các Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 130411/HĐHMTD/TCB-TKC ngày 13/4/2011 của Techcombank.

Tài sản bảo đảm đến thời điểm khởi kiện: Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng hạn mức tín dụng gồm:

- *Tài sản thứ 1:* Quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất và các lợi ích phát sinh đối với thửa đất số 182, tờ bản đồ số 38, diện tích 569,5 m^2 tại địa chỉ:

Thôn G, xã Đ, huyện C, Thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số A0 927768, số vào sổ cấp 01589 do UBND huyện C cấp ngày 05/05/2009 cho ông Đỗ Quang L và vợ là bà Nguyễn Thị H - theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 852.2011/HĐTC-TCB ngày 21/02/2011 tại Văn phòng công chứng T, Thành phố Hà Nội ký giữa Ngân hàng với vợ chồng ông Đỗ Quang L và bà Nguyễn Thị H; đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C, Thành phố Hà Nội ngày 21/02/2011. Giá trị định giá tài sản là 3.520.145.000 đồng, bảo đảm cho khoản vay 2.112.000.000 đồng dư nợ và các nghĩa vụ phát sinh.

- *Tài sản thứ 2:* Quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất và các lợi ích phát sinh đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 6G-III-27, diện tích 73,5 m^2 tại địa chỉ: Ngõ 81, tổ 1I, phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD786378, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00178/813.2011.QĐ-UBND, do UBND quận Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/03/2011, đã đăng ký chuyển nhượng cho ông Lê Việt H và vợ là bà Nguyễn Thị Trà G - theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba, số công chứng 2695.2011/HĐTC-TCB ngày 09/05/2011 ký kết giữa Ngân hàng với vợ chồng ông Lê Việt H và bà Nguyễn Thị Trà G tại Văn phòng công chứng T, Thành phố Hà Nội; đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Phòng Tài nguyên và môi trường quận Đ, Thành phố Hà Nội ngày 19/5/2011. Giá trị định giá tài sản là 9.472.000.000 đồng, bảo đảm cho khoản vay 6.630.400.000 đồng dư nợ và các nghĩa vụ phát sinh.

- *Tài sản thứ 3:* Quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất và các lợi ích phát sinh đối với thửa đất số: 34-1, tờ bản đồ số 03, diện tích 115 m^2 tại địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện G, Thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W 321095, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00084.QSDĐ do UBND huyện G cấp ngày 11/06/2003 cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim H, đính chính tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn D và vợ là bà Nguyễn Thị Kim H ngày 11/10/2010 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G, Thành phố Hà Nội - theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 5030.2010/HĐTC-TCB ngày 20/10/2010 ký giữa T với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H tại Văn phòng công chứng T, Thành phố Hà Nội; đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G, Thành phố Hà Nội. Giá trị định giá tài sản là 2.478.000.000 đồng, bảo đảm cho khoản vay 1.610.700 đồng dư nợ và các nghĩa vụ phát sinh.

Do Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên T đã nộp Đơn khởi kiện Công ty T đến Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm, đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Buộc Công ty T thanh toán cho T số tiền 12.810.044.525 đồng, bao gồm: 9.643.121.280 đồng nợ gốc và 3.166.923.245 đồng nợ lãi (tạm tính đến hết ngày 18/10/2012);

2. Buộc Công ty T thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt quy định tại Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 130411/HĐHMTD/TCB-TKC kể từ ngày 19/10/2012 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

3. Buộc Công ty T phải thực hiện theo đúng thỏa thuận về thanh toán/bồi thường tại Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 130411/HĐHMTD/TCB-TKC;

Kể từ ngày Quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty T đối với T. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/11/2015 nguyên đơn nộp Đơn sửa đổi, bổ sung và rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với 2 tài sản đảm bảo là:

- *Tài sản thứ 1:* Quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất và các lợi ích phát sinh đối với thửa đất số 182, tờ bản đồ số 38, diện tích 569,5 m^2 tại địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện C, Thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số A0 927768, số vào sổ cấp 01589 do UBND huyện C cấp ngày 05/05/2009 cho ông Đỗ Quang L và vợ là bà Nguyễn Thị H - theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 852.2011/HĐTC-TCB ngày 21/02/2011 tại Văn phòng công chứng T, Thành phố Hà Nội ký giữa T với vợ chồng ông Đỗ Quang L và bà Nguyễn Thị H; đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C, Thành phố Hà Nội ngày 21/02/2011.

- *Tài sản thứ 2:* Quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất và các lợi ích phát sinh đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 6G-III-27, diện tích 73,5 m^2 tại địa chỉ: Ngõ 81, tổ 1^I, phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 786378, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00178/813.2011.QĐUBND, do UBND quận Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/03/2011, đã đăng ký chuyển nhượng cho ông Lê Việt H và vợ là bà Nguyễn Thị Trà G - theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 2695.2011/HĐTC-TCB ngày 09/05/2011 ký kết giữa T với vợ chồng ông Lê Việt H và bà Nguyễn Thị Trà G tại Văn phòng công chứng T, Thành phố Hà Nội; đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật tại Phòng Tài nguyên và môi trường quận Đ, Thành phố Hà Nội ngày 19/5/2011.

Tính đến ngày 28/11/2019 Công ty T đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền: **5.648.078.752 đồng** (năm tỷ, sáu trăm bốn tám triệu, không trăm bảy tám nghìn, bảy trăm năm hai đồng), trong đó:

- Nợ gốc là: 5.203.987.155 đồng (năm tỷ, hai trăm linh ba triệu, chín trăm tám bảy nghìn, một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

- Nợ lãi là: 444.091.597 đồng (bốn trăm bốn bốn triệu, không trăm chín mốt nghìn, năm trăm chín bảy đồng).

Tính đến hết ngày 28/11/2019 Công ty T còn nợ T tổng số tiền là 27,175,714,077 đồng, trong đó: Nợ gốc là 4.795.838.845 đồng; nợ lãi là 22,379,875,232 đồng (lãi trong hạn là: 501.468.006 đồng; lãi quá hạn: 20.761.846.485 đồng; lãi phạt là: 1.116.560.741 đồng).

Nay T yêu cầu Công ty T phải trả cho T toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi trên.

Và toàn bộ tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi Công ty T trả hết nợ cho T.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho T, cụ thể:

Quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất và các lợi ích phát sinh đối với thửa đất số: 34-1, tờ bản đồ số 03, diện tích 115 m^2 tại địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện G, Thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W 321095, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00084.QSDĐ do UBND huyện G cấp ngày 11/06/2003 cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim H, đính chính tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn D và vợ là bà Nguyễn Thị Kim H ngày 11/10/2010 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G, Thành phố Hà Nội - theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 5030.2010/HĐTC-TCB ngày 20/10/2010 ký giữa T với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H tại Văn phòng công chứng T, Thành phố Hà Nội.

Kể từ khi phát sinh nợ quá hạn, Giám đốc và các thành viên Công ty T không có sự hợp tác làm việc với T trong việc xử lý khoản nợ (không nghe điện thoại, không đến làm việc, không có mặt tại nơi cư trú). Có dấu hiệu trốn tránh trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ T. Công ty T không hoạt động. Theo đánh giá của T, Công ty T không có khả năng trả nợ cho T.

* ***Bị đơn - Công ty TNHH dầu khí T do ông Lê Việt H - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật:*** Vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Vì vậy, Toà án không tiến hành ghi lời khai của Công ty T được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với Bị đơn Công ty T theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:***

Cuối năm 2010 ông bà cần vốn để kinh doanh nên có nhu cầu vay vốn. Mặc dù ông bà có tài sản là nhà và đất ở tại thôn C, xã Y, huyện G, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00084.QSDĐ do UBND huyện G cấp ngày 11/06/2003 cho ông bà, nhưng với tư cách cá nhân nên thời điểm đó ông bà không tự làm thủ tục thế chấp "Sổ đỏ" để vay vốn của T được.

Ông bà có quen biết ông Lê Việt H - là giám đốc Công ty T, có trụ sở tại: Phòng 604 tòa nhà SAVINA, số 1 Đ, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, ông bà nhờ ông H đứng ra làm thủ tục vay vốn Ngân hàng và ông bà phải triết khấu 5% trên tổng số tiền vay là 300.000.000 đồng cho ông H.

Ngày 20/10/2010 ông H yêu cầu ông bà mang theo "Sổ đỏ" để ông H ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng T. Trong Hợp đồng này ông H - giám đốc Công ty T là bên đảm bảo quyền vay sau đó ông H hẹn ông bà khi nào lấy được tiền sẽ gọi ông bà đến Công ty T nhận tiền. Ngày 25/10/2010 ông H gọi ông bà đến Công ty T. Tại đây, giữa ông bà và ông H ký cam kết và nhận số tiền 300.000.000 đồng của ông H với tư cách là giám đốc Công ty T. Ông bà phải triết khấu 15.000.000 đồng và nhận về số tiền là 285.000.000 đồng. Hàng tháng ông bà vẫn nộp lãi số tiền vay 300.000.000 đồng vào Công ty T theo lãi suất Ngân hàng quy định và có phiếu thu của Công ty T.

Đến ngày 07/02/2012 T gửi thông báo về việc nợ quá hạn của Công ty T và yêu cầu ông bà giao căn nhà mà ông bà thế chấp bảo lãnh cho ông H vay tiền để phát mại vì ông H vay của T số tiền là 1.610.700.000 đồng (một tỷ, sáu trăm mười triệu, bảy trăm nghìn đồng) từ Hợp đồng bảo lãnh thế chấp căn nhà của ông bà cho T, chứ không phải ông H vay 300.000.000 đồng như cam kết với ông bà. Lúc đó ông bà mới biết bị ông H lừa ký vào Hợp đồng thế chấp tài sản đồng ý bảo lãnh cho ông H vay của T 1.610.700.000 đồng. Bởi khi ký Hợp đồng ông H bảo sẽ ký cam kết giữa ông bà và ông H (có đóng dấu của Công ty T) và chỉ bảo lãnh cho ông H vay 300.000.000 đồng vào ngày 25/10/2010. Hơn nữa, khi ký Hợp đồng công chứng viên chỉ hỏi địa chỉ và số thửa đất căn nhà thế chấp, không nói rõ số tiền ông H vay là 1.610.700.000 đồng rồi bảo ông bà ký vào Hợp đồng bảo lãnh cho ông H. Khi phát hiện ra hành vị gian dối của ông H, ông bà đã gọi điện thoại và đến nơi ở của ông H tại xóm 2 ngõ 4 thôn B, xã B để thanh toán số tiền vay của ông bà với ông H và yêu cầu ông H hoàn trả lại "Sổ đỏ" cho ông bà. Nhưng ông H tránh mặt và không nghe điện thoại.

Việc T gửi thông báo yêu cầu ông bà giao tài sản là căn nhà ông bà đang ở để phát mại trả nợ thay cho ông H, khiến gia đình ông bà lo lắng vì không có chỗ ở. Ông bà đề nghị Tòa án xem xét hành vi của ông H lừa ông bà để xử lý theo pháp luật. Nay T khởi kiện Công ty T do ông Lê Việt H- giám đốc đại diện theo pháp luật và yêu cầu Công ty T phải thanh toán cho T toàn bộ số tiền theo Hợp đồng tín dụng. Ông bà đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi của ông bà theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị Minh P trình bày:*** T giữ nguyên quan điểm đã trình bày và có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với một phần số tiền lãi bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt tính đến ngày 28/11/2019 (cụ thể: Tổng nợ lãi là 22.379.875.232 đồng; lãi trong hạn là 501.468.006 đồng; lãi quá hạn là 20.761.846.485 đồng; lãi phạt là 1.116.560.741 đồng) và toàn bộ phần lãi phạt phát sinh kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; đồng thời sửa đổi yêu cầu khởi kiện:

Buộc Công ty T phải trả cho T tổng số tiền nợ gốc là: 4.795.838.845 đồng.

Buộc Công ty T phải trả cho T toàn bộ tiền lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 29/11/2019 theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 130411/HĐHMTD/TCB-TKC ngày 13/4/2011, cho đến khi thanh toán hết nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho T.

**** Bị đơn - Công ty T do ông Nguyễn Mạnh H - Giám đốc đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H*:** Đã được Toà án triệu tập hợp lệ phiên toà lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:*** Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách đương sự, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Được nhận thông báo, quyết định và các văn bản do Tòa án giải quyết trong quá trình chuẩn bị xét xử theo đúng quy định, được quyền xem, sao chụp các tài liệu do Tòa án thu thập cũng như do các đương sự cung cấp, được quyền phát biểu, hỏi và tranh luận tại phiên tòa.

Đối với Bị đơn - Công ty T do ông Nguyễn Mạnh H - Giám đốc đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H đều đã được Tòa án tống đạt hợp lệ về phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Viện kiểm sát quận Hoàn Kiếm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K Việt Nam (T) đối với Công ty TNHH dầu khí T. Buộc Công ty T phải thanh toán cho T số tiền nợ gốc là 4.795.838.845 đồng và toàn bộ lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 29/11/2019 theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng cho đến khi Công ty T thanh toán hết nợ cho T.

Trường hợp Công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nốt số tiền nợ gốc theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 130411/HĐHMTD/TCB-TKC ngày 13/4/2011 thì Ngân hàng TMCP K Việt Nam (T) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34-1, tờ bản đồ 03 - địa chỉ thôn C, xã Y, huyện G, Thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 21095/2003 do UBND huyện G cấp ngày 11/6/2003, chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H. Việc thế chấp tài sản đã được các bên lập Hợp đồng công chứng số 5030.2010/HĐTC-TCB ngày 20/10/2010 tại Văn Phòng công chứng T, Thành phố Hà Nội.

Các đương sự phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền:

Xét thấy: Nguyên đơn T khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm là nơi giải quyết tranh chấp theo trụ sở chính của bị đơn - là Công ty T có trụ sở tại P604 Tòa nhà S số 1 Đ, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

***1.2 Về quan hệ pháp luật*:**

Tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa T và Công ty T là tranh chấp giữa hai bên pháp nhân có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là tranh chấp Kinh doanh thương mại về Hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về việc sửa đổi, bổ sung và rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên toà nguyên đơn có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với một phần số tiền lãi, bao gồm: Lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt tính đến ngày 28/11/2019 và toàn bộ phần lãi phạt phát sinh kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, cụ thể: Tổng nợ lãi là 22.379.875.232 đồng; lãi trong hạn là: 501.468.006 đồng; lãi quá hạn: 20.761.846.485 đồng; lãi phạt là: 1.116.560.741 đồng và sửa đổi yêu cầu khởi kiện buộc Công ty T phải trả cho T tổng số tiền nợ gốc là: ***4.795.838.845 đồng*** và toàn bộ lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 29/11/2019 theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Việc sửa đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện này của Nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu; nên căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử chấp nhận việc sửa đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.4. Về thủ tục tố tụng:

Đối với Bị đơn - Công ty T do ông Nguyễn Mạnh H - Giám đốc đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là Công ty T phải thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng và yêu cầu về việc xử lý tài sản đảm bảo:

Ngày 13/4/2011 T đã ký Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 130411/HĐHMTD/TCB-TKC với Công ty T; theo nội dung Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng: Số tiền cho vay theo hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng). T đã giải ngân cho Công ty T tổng số tiền là ***9.999.826.000 đồng (chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng)***, theo các Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ ký ngày 22/02/2011 là 1.608.826.000 đồng; ngày 15/4/2011 là 500.000.000 đồng; ngày 28/4/2011 là 697.000.000 đồng; ngày 23/5/2011 là 7.194.000.000 đồng.

Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ô tô và sản phẩm gốm sứ.

Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 13/4/2011 đến ngày 13/4/2012.

Thời hạn tối đa của các khoản vay trong hạn mức tín dụng của mỗi khoản vay trong hạn mức tín dụng mà Bên A cho bên B vay không vượt quá 03 tháng đối với kinh doanh ô tô và 06 tháng đối với sản xuất kinh doanh gốm sứ được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ.

Phương thức giải ngân: Theo Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ.

Lãi suất cho vay được áp dụng theo từng lần giải ngân.

Để đảm bảo cho khoản vay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H đã thế chấp quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34-1, tờ bản đồ 03 - địa chỉ thôn C, xã Y, huyện G, Thành phố Hà Nội "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số 21095/2003 do UBND huyện G cấp ngày 11/6/2003, chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị

Kim H. Việc thế chấp tài sản đã được các bên lập Hợp đồng công chứng số 5030.2010/HĐTC-TCB ngày 20/10/2010 tại Văn Phòng công chứng T, Thành phố Hà Nội.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với T nên toàn bộ dư nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Sau khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, T đã nhiều lần đôn đốc nhưng Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng, không thanh toán được tiền nợ gốc, nợ lãi theo thoả thuận nên nguyên đơn nộp Đơn khởi kiện đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng, Hợp đồng thế chấp là đúng thoả thuận trong Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng.

Xét Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 130411/HĐHMTD/TCB-TKC ngày 13/4/2011 giữa T và Công ty T được ký kết bởi người có thẩm quyền. Các bên đương sự hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ về hình thức và nội dung, phù hợp các quy định của pháp luật về điều kiện cấp hạn mức tín dụng, lãi suất... quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và hướng dẫn tại Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QQĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thoả thuận. Ông H đại diện theo pháp luật của Công ty Dầu khí T không có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện việc T giải ngân và Công ty dầu khí T đã nhận nợ tổng số tiền gốc là 9.999.826.000 đồng. Từ đó cho thấy Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng trên là có thật và hợp pháp.

Xét Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa T với ông D, bà H ngày 20/10/2010 tại Văn phòng công chứng T, Thành phố Hà Nội: Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất thuộc sở hữu của bên thế chấp (ông D và bà H) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất. Hợp đồng trên được lập tại Văn phòng công chứng, các điều khoản quy định rõ ràng, chi tiết, các bên đều thừa nhận và tự nguyện. Ông D, bà H tại thời điểm ký kết không bị ép buộc, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó việc ông D, bà H khai không nắm được những nội dung trong Hợp đồng thế chấp là không có căn cứ. Xác định Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm trên là hợp pháp. Về việc ông D, bà H khai ông bà chỉ có nhu cầu vay vốn 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) nên đã nhờ ông H - giám đốc Công ty T đứng ra vay hộ và không biết việc ông H đã vay của T bao nhiêu tiền. Nhận thấy, việc vay tiền giữa ông D, bà H và ông H là một quan hệ pháp luật dân sự khác, ông D, bà H có quyền khởi kiện ông H nếu có căn cứ pháp luật.

Do Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, T khởi kiện buộc bị đơn Công ty T phải trả toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo thỏa thuận trong Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho T là có căn cứ nên được Toà án chấp nhận.

Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng công chứng số 5030.2010/HĐTC-TCB ngày

20/10/2010 tại Văn Phòng công chứng T, Thành phố Hà Nội để thu hồi nợ, là có căn cứ, đúng theo thỏa thuận trong Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng và các Hợp đồng thế chấp và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[3]. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát quận Hoàn Kiếm: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bị đơn Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35;Điều 40; Điều 147, Điều 184; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 318; Điều 323; Điều 342; Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005
- Điều 280, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 300; Điều 301; Điều 302; Điều 306; Điều 317; Điều 319 Luật Thương mại;
- Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;
- Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNNngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);
- Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

Xử:

1. Chấp nhận Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP K Việt Nam (T) đối với Công ty TNHH dầu khí T về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bị đơn Công ty TNHH dầu khí T phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP K Việt Nam (T) số tiền nợ gốc theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 130411/HĐHMTD/TCB-TKC ngày 13/4/2011 là: ***4.795.838.845 đồng (bốn tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm ba tám nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng).***

Công ty TNHH dầu khí T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP K Việt Nam (T) theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 130411/HĐHMTD/TCB-TKC ngày 13/4/2011, khế ước nhận nợ (Lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong khế ước nhận nợ). Theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty TNHH dầu khí T phải tiếp tục thanh toán cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu bị đơn Công ty TNHH dầu khí T phải thanh toán nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt tính đến ngày 28/11/2019 và toàn bộ phần lãi phạt phát sinh kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

4. Trường hợp Công ty TNHH dầu khí T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nốt số tiền nợ gốc và khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 130411/HĐHMTD/TCB-TKC kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP K Việt Nam thì Ngân hàng TMCP K Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 34-1, tờ bản đồ 03 - địa chỉ thôn C, xã Y, huyện G, Thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 21095/2003 do UBND huyện G cấp ngày 11/6/2003, chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H. Việc thế chấp tài sản đã được các bên lập Hợp đồng công chứng số 5030.2010/HĐTC-TCB ngày 20/10/2010 tại Văn Phòng công chứng T, Thành phố Hà Nội.

5. Sau khi phát mại tài sản bảo đảm thu hồi nợ, nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm trừ đi các khoản chi phí thu hồi, trông giữ, bán tài sản và các chi phí liên quan khác... Ngân hàng thu nợ còn thừa, Ngân hàng sẽ trả lại phần thừa cho chủ tài sản. Nếu Ngân hàng thu nợ còn thiếu thì Công ty TNHH dầu khí T phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP K Việt Nam.

6. Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH dầu khí T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.795.839 đồng (*Một trăm mười hai triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm ba chín đồng)*.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K Việt Nam (T) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch đối với phần yêu cầu được Tòa án chấp nhận. Trả lại nguyên đơn Ngân hàng TMCP K Việt Nam số tiền 60.500.000 đồng (sáu mươi triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp - theo Biên lai số 0000441 ngày 04/11/2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSNDQHK;
- Các đương sự;
- THADSQHK;

- TANDTPHN;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Thị Hiền Hòa